TÒA ÁN N DÂN **HUYỆN PL** **TỈNH BL**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16/01/2024
V/v tranh chấp ly hôn

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN PL– TỈNH BL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Ngọc Như**

Các Hội thẩm N dân:

1. Ông **Đặng Văn Chiểu**

2. Bà **Võ Tuyết Kha**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Bé** – Thư ký Tòa án N dân huyện PL, tỉnh BL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh BL *tham gia phiên tòa:* Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 402/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 305/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị Lệ T,** sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp M, xã PTTA, huyện PL, tỉnh BL. *(Vắng mặt)*

Bị đơn: Ông **Đặng Văn N,** sinh năm 1960. Địa chỉ: ấp M, xã PTTA, huyện PL, tỉnh BL. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Đặng Thị Lệ T trình bày:*

Về hôn N: Bà và ông N tự nguyện sống chung từ năm 1988, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng bà đã ly thân khoảng 06 năm nay do sống chung bất đồng quan điểm, không còn tình cảm. Nay bà T yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà T và ông N có 05 người con chung tên Đặng Thị Y, sinh năm 1989, Đặng Kim T, sinh năm 1990, Đặng Hữu N, sinh năm 1998, Đặng Hữu

N, sinh năm 2001 và Đặng Kiều M, sinh năm 2006, hiện tại các con có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án ông Đặng Văn N trình bày:*

Về hôn nhân: Thời gian sống chung, không có đăng ký kết hôn và mâu thuẫn hôn N như bà T trình bày là đúng. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông N đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà T có 05 người con chung như bà trình bày là đúng. Hiện tại, cháu Y, cháu T, cháu N, cháu N và cháu M có đủ khả năng lao động để tự nuôi sống mình, ông N thống nhất với bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông N thống nhất với bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ theo khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn N và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận bà T và ông N là vợ chồng.

+ Về con chung: Bà T và ông N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Bà Đặng Thị Lệ T phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông N, ông N đang cư trú trên địa bàn huyện PL nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện PL thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Bà T và ông N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bà T và ông N là phù hợp theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy bà T và ông N có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng bà T và ông N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 và đã

có 05 người con chung mà không đăng ký kết hôn nên hôn N giữa bà T và ông N là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay bà T yêu cầu ly hôn, căn cứ theo khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn N và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông N.

[4] Về con chung: Bà T và ông N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Ông N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 14, 53 của Luật Hôn N và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 N quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Đặng Thị Lệ T và ông Đặng Văn N là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Đặng Thị Lệ T và ông Đặng Văn N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Đặng Thị Lệ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Bà T đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006472 ngày 05 tháng 12 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PLnên được chuyển sang thu án phí.

Ông Đặng Văn N không phải chịu án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- TAND tỉnh BL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Như